

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN BƯU ĐIỆN HÀ NỘI**



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
*(SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN 3)*

*Hà Nội, tháng 05 năm 2016*

Số: 165/QĐ - HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty  
cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quyết định số 25/2004/QĐ-BBCVT ngày 24 tháng 6 năm 2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông về việc chuyển Công ty Thiết kế Bưu điện Hà Nội thành Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội.

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội ngày 28/4/2016.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung lần 03 một số điều trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể sau:

Chương VII điều 25 mục 1 và 2; Điều 26 mục 2 và 4.

Chương VIII điều 31 mục 2.

Chương XIV điều 56 mục 1, Điều 57 mục 1.

**Điều 2.** Giao cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

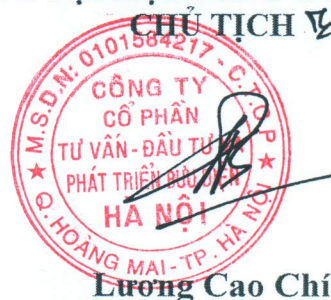
**Điều 4.** Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng các phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Công ty và các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận

- Như Điều: 4
- Các thành viên HĐQT.
- Ban kiểm soát.
- Tổng giám đốc.
- Các Phó Tổng giám đốc.
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH



Lương Cao Chí

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
Chương I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1: Định nghĩa.....	2
Chương II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG	
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời gian hoạt động của Công ty.....	3
Chương III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	
Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.....	5
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
Chương IV: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	
Điều 5: Quyền hạn của Công ty.....	6
Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty.....	7
Chương V: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	
Điều 7: Vốn.....	9
Điều 8: Cổ phần.....	10
Điều 9: Cổ phiếu.....	11
Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông.....	12
Điều 11: Chào bán cổ phần.....	13
Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 13: Thừa kế cổ phần.....	17
Điều 14: Mua lại cổ phần.....	17
Điều 15: Thu hồi cổ phần.....	19
Chương VI: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	21
Điều 16: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.....	21
Điều 17: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty.....	21
Điều 18: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	22
Chương VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 19: Quy định chung về cổ đông.....	22
Điều 20: Quyền của cổ đông.....	23
Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông.....	25
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 24: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 25: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 26: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	35

Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Chương VIII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 28: Tổ chức Hội đồng quản trị.....	37
Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	44
Điều 33: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Chương IX: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY	
Điều 34: Tổng giám đốc.....	46
Điều 35: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc.....	47
Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	48
Điều 37: Ủy quyền.....	50
Điều 38: Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách.....	50
Điều 39: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	51
Điều 40: Cán bộ quản lý.....	52
Chương X : BAN KIỂM SOÁT	
Điều 41: Tổ chức Ban kiểm soát.....	53
Điều 42: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát.....	53
Điều 43: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung thành viên Ban kiểm soát.....	54
Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Ban kiểm soát.....	55
Điều 45: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát.....	56
Chương XI: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY	
Điều 46: Quyền lợi của người lao động trong công ty.....	57
Chương XII: HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	
Điều 47: Hạch toán.....	57
Điều 48: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ.....	58
Điều 49: Cổ tức.....	58
Điều 50: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.....	59
Chương XIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 51: Chấm dứt hoạt động.....	60
Điều 52: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	60
Điều 53: Thanh lý.....	61
Điều 54: Tổ tụng, tranh chấp.....	61

Chương XIV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 55: Con dấu.....	62
Điều 56: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	62
Điều 57: Hiệu lực thi hành.....	62

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**BƯU ĐIỆN HÀ NỘI**  
**(HADIC)**

**Căn cứ vào:**

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số 25/2004/QĐ-BBCVT ngày 24 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông về việc cho phép Công ty Thiết kế Bưu Điện Hà Nội chuyển thành Công ty cổ phần.

Chúng tôi, những cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Tư vấn – Đầu tư và Phát triển Bưu Điện Hà Nội đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tư vấn – Đầu tư và Phát triển Bưu Điện Hà Nội vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, nhất trí thông qua sửa đổi bản điều lệ cũ và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

## CHƯƠNG I

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### **Điều 1: Định nghĩa**

1. Trừ trường hợp các điều khoản và ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - a. “Việt nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  - b. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.
  - c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 1996.
  - d. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt nam và nước ngoài.
  - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - f. “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại khoản 7 Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - g. “Vốn Điều lệ” có nghĩa là vốn do các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 7 Điều lệ này.
  - h. “Cổ đông” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
  - i. “Đại hội” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông.
  - j. “Cán bộ quản lý” có nghĩa là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Trưởng phó phòng trong Công ty và Giám đốc các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, trường văn phòng đại diện.

- k. “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
  - l. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - m. “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần;
  - n. “Tổ chức lại doanh nghiệp” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

## **CHƯƠNG II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. **Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BƯU ĐIỆN HÀ NỘI

Tên tiếng Anh: HANOI POST & TELECOMMUNICATION DEVELOPMENT INVESTMENT CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HADIC

2. **Hình thức:** Công ty cổ phần, doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005



3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ : 809 Đường Giải Phóng - Quận Hoàng mai - Hà Nội

Điện thoại : 04 - 6643705

Fax : 04 - 6643701

4. Tư cách pháp nhân của Công ty

- a. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
  - b. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
  - c. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
  - d. Chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;
  - e. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
  - f. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty;
6. Công ty được thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 và 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

## CHƯƠNG III

### MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

#### Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

##### 1. Mục tiêu:

- a. Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông;
- b. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;
- c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

- a. Tư vấn thiết kế công trình: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình buru chính, viễn thông; tin học – công nghệ thông tin; công nghiệp, giao thông, dân dụng và các công trình khác;
- b. Xây dựng dân dụng, xây dựng công trình kỹ thuật, xây dựng kết cấu công trình, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- c. Mua bán thiết bị, vật tư, phụ kiện buru chính, viễn thông, tin học, các loại máy móc thiết bị, vật tư khác.
- d. Các ngành nghề kinh doanh khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép

#### Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty;
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

## CHƯƠNG IV

### QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

#### Điều 5: Quyền hạn của Công ty

1. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của Công ty;
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
3. Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm hay kinh doanh có điều kiện; mở rộng quy mô, lĩnh vực kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường;
4. Tổ chức lại, giải thể Công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc;
5. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục đích phát triển Công ty;
6. Được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
7. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam và Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật nếu được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;
8. Tìm kiếm thị trường, chọn lựa khách hàng; trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;

9. Tuyên, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả chuyên gia nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Lựa chọn hình thức trả lương, phân phối thu nhập, quyết định mức lương cho người lao động theo quy định của pháp luật;
10. Quyết định giá mua, giá bán các loại vật tư, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định;
11. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ cho các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi;
12. Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật;
13. Được thanh lý, chuyển nhượng, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn;
14. Được quyền quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
15. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
16. Được hưởng các quyền khác do pháp luật quy định.

#### **Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty**

1. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
  - a. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước các khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
  - b. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;

- c. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
  - d. Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác, ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn;
  - e. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng chống cháy nổ;
  - f. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo;
  - g. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
  - h. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty
- a. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
  - b. Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
  - c. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;
  - d. Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;

- f. Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

## CHƯƠNG V

### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

#### Điều 7: Vốn

1. Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

2. Vốn Điều lệ

a. Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng Việt Nam);

b. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

	Tỷ lệ (%)	Trị giá (VND)
Vốn nhà nước (VNPT)	40	1.200.000.000
Vốn của CBCNV trong Công ty	44	1.320.000.000
Vốn của các cổ đông khác	16	480.000.000

c. Vốn Điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác sẽ được Hội đồng Quản trị đánh giá và quy ra đồng Việt Nam. Vốn điều lệ được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam;

d. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- e. Vốn điều lệ sử dụng cho các mục đích:
- Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Công ty, cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
  - Thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Mua cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, góp vốn liên doanh;
  - Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.
- f. Không dùng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào;
- g. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ (tăng hoặc giảm vốn điều lệ), điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

3. **Vốn huy động:** Các hình thức huy động vốn của Công ty gồm

- a. Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- b. Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- c. Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

4. **Vốn tích lũy**

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

**Điều 8: Cổ phần**

- 1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần;
- 2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được chia thành 30.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 VND;

3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ;
4. Cổ phần có thể được góp bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty và phải được Hội đồng quản trị đánh giá lại theo đúng quy định của pháp luật, được tính thành tiền Việt Nam (VND) để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn.

### **Điều 9: Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;
2. Nội dung cổ phiếu:
  - a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d. Mệnh giá một cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e. Tên và địa chỉ cổ đông (đối với cổ phiếu ghi danh);
  - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
  - h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
3. Cổ phiếu được phát hành dưới 02 hình thức:
  - a. Cổ phiếu ghi danh:
    - Cổ phiếu ghi danh là loại cổ phiếu ghi tên của pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phiếu này;



- Cổ phiếu của cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước và cổ phiếu mua theo giá ưu đãi của cán bộ công nhân viên phải là cổ phiếu ghi danh;
  - Việc chuyển nhượng cổ phiếu này phải tuân theo các quy định tại Điều 12 của bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
- b. Cổ phiếu vô danh :
- Cổ phiếu vô danh là loại cổ phiếu không ghi tên pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phiếu này;
  - Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng quy định chi tiết tại điểm a khoản 3 điều này;
  - Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng thêm vốn điều lệ;
  - Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;
  - Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

#### **Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông**

1. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty;
2. Nội dung của sổ đăng ký cổ đông:
  - a. Tên, trụ sở của Công ty;
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
  - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần, mã số riêng của từng cổ đông.

## Điều 11: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu cho các cổ đông. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy

hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

3. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Sổ cổ đông được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

5. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

## **Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần**

1. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các cổ đông xin chuyển nhượng;
2. Các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình; trường hợp đặc biệt có thể cho phép các thành viên Hội đồng quản trị được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình khi 100% thành viên Hội đồng quản trị đồng ý,
3. Khi một thành viên của Hội đồng quản trị được phép chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình thì trước tiên phải dành ưu tiên cho những thành viên khác trong Hội đồng quản trị mua. Nếu trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chuyển nhượng mà những người trong diện này không mua thì có quyền chuyển nhượng cho một người thứ ba khác với các điều kiện chuyển nhượng không được phép thuận lợi hơn đối với các thành viên của Hội đồng quản trị;

4. Cổ phần mua với giá ưu đãi của Nhà nước khi cổ phần hoá của cán bộ công nhân viên không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày mua; trường hợp đặc biệt phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và tuân thủ quy định về chuyển nhượng cổ phần của Công ty;
5. Cổ phần phổ thông của các cổ đông không phải là thành viên Hội đồng quản trị được phép chuyển nhượng tự do và tuân thủ theo quy định về quản lý cổ đông của Công ty;
6. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của Công ty nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế này đều được bãi bỏ;
7. Khi Công ty chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phần sẽ thực hiện thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán và theo quy định của pháp luật;
8. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
9. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 điều 12 của Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.  
Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 13: Thừa kế cổ phần**

1. Trường hợp một cổ đông qua đời, chỉ người (những người) sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã mất:
  - a. Người (những người) thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật về thừa kế;
  - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục quy định để người có quyền thừa kế hợp pháp được sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

### **Điều 14: Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty  
Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định dưới đây:
  - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đã bán của Công ty;
  - b. Trường hợp mua lại dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán do Hội đồng quản trị quyết định;
  - c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ

phần phải được thông báo tới tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn cổ đông chào bán. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

## 2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này. Thời hạn mua lại trong 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu;

## 3. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 nêu trên của bản Điều lệ này. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu

ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định này, các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty;
5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại;
6. Tất cả các cổ phần được Công ty mua lại được coi là số cổ phần ngân quỹ của Công ty.

### **Điều 15: Thu hồi cổ phần**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty;
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi;
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp,



các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi;

4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất cho vay bình quân của bốn Ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn Hà Nội) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán, Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó;
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## CHƯƠNG VI

### CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

#### **Điều 16: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm**

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

#### **Điều 17: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty**

1. Công ty luôn có ít nhất 03 (ba) cổ đông trở lên. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng chủ sở hữu Công ty. Cổ đông có thể là pháp nhân hay thể nhân. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cổ phần mà họ đã góp đủ;
2. Công ty được tổ chức quản trị và điều hành theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác trong bản Điều lệ này;
3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty giữa các kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;
5. Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
6. Giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành hoạt động Công ty là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban Công ty;
7. Các đơn vị thành viên của Công ty bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

## CHƯƠNG VII

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 19: Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty nhưng không được quá mức qui định của pháp luật hiện hành. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa;
2. Cổ đông sáng lập của Công ty gồm 03 cổ đông và phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - a. Tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty;
  - b. Cùng nhau nắm giữ tối thiểu 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty;
  - c. Số lượng cổ phần sở hữu tối thiểu của mỗi cổ đông sáng lập chiếm 2% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty.
3. Trường hợp một cổ đông là pháp nhân thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp thì pháp nhân mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân này phải gửi Hội đồng quản trị Công ty các văn bản pháp lý về việc kế thừa;

4. Trường hợp một cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác, hoặc có thể đề nghị Công ty mua lại.

#### **Điều 20: Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp;
  - c. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 12 của bản Điều lệ này;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty;
  - f. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được uỷ quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình;
  - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền:
    - yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 của bản Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số

Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị và 01 thành viên để bầu vào Ban Kiểm soát, nếu chiếm từ 30% đến 50% thì họ được đề cử 2 thành viên, nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 4 thành viên;
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- h. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của bản Điều lệ này;
- j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

### **Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Thanh toán đủ vốn cổ phần đã cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
5. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp của mình;
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định trong bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

## **Điều 22: Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự.
2. Đại hội đồng cổ đông thành lập:
  - a. Đại hội đồng cổ đông thành lập do Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bưu Điện thành phố Hà Nội triệu tập;
  - b. Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
    - Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty;
    - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
    - Quyết định bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty;
    - Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
    - Thông qua tổng mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên
  - a. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính
  - b. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 23 của bản Điều lệ này.

T<sub>h</sub>

4. Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị nhận thấy vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;
- Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm a nêu trên;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm a của khoản này có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.



- e. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông theo quy định tại các khoản b, c và d của điều này sẽ được công ty hoàn lại.

### **Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có);
3. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
5. Quyết định tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
6. Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
7. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
8. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
9. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
10. Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty;
11. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành;
12. Quyết định việc ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ, mà giá trị của hợp đồng lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi

trong sổ kế toán của Công ty. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;

13. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
14. Biểu quyết tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán;
15. Lựa chọn công ty kiểm toán;
16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 24: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông;
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
6. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 25: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 của điều này thì triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 của điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.
4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 20 ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông,

chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty.

- b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội.
  - c. Thông báo cho tất cả cổ đông về Đại hội.
5. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo phải được gửi ít nhất 10 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông và trên các phương tiện thông tin đại chúng.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6 của điều này nếu:
- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.
  - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
  - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết.
8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và lập danh sách hiện diện (kèm theo sổ cổ phần sở hữu, sổ phần đại diện);
10. Đại hội đồng cổ đông thành lập do đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa;
11. Chủ tọa thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu ra thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của 02 kiểm phiếu viên và được chủ tọa cùng thư ký đại hội ký xác nhận;
12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 14 của điều này, phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 02 thành viên Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban kiểm soát mới có giá trị;
13. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung sau đây:
  - a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Chương trình làm việc, tên chủ tọa và thư ký;
  - c. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự;
  - d. Tóm tắt các phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
  - f. Tổng số phiếu đối với từng vấn đề biểu quyết;
  - g. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
14. Tất cả chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty thanh toán, các chi phí này sẽ không bao gồm chi phí

mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí liên quan khác.

15. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

15.1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

15.2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
- c) Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp;

15.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

15.4. Chủ toạ và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo

chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

15.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

15.6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

15.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

15.8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

15.9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người

khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

15.10 Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

### **Điều 26: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:
  - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, biểu quyết Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.
  - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
  - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.





4. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  - a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
  - b. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến kèm theo Phiếu lấy ý kiến và gửi cho tất cả các cổ đông, trong đó quy định cụ thể ngày chậm nhất cổ đông phải trả lời bằng văn bản những vấn đề được hỏi ý kiến.
  - c. Các cổ đông phải ghi rõ ý kiến đồng ý hay không tán thành những vấn đề được hỏi ý kiến, lý do và các kiến nghị của mình vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về trụ sở Công ty qua đường thư hay đường fax.
  - d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tập hợp ý kiến của các cổ đông và lập biên bản đề ra nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, kể cả với số cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
4. Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

#### **Điều 27: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- b. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VIII  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Điều 28: Tổ chức Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 thành viên, không quá 11 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị là 3 ứng cử viên có số phiếu tín nhiệm cao nhất trong số các ứng cử viên tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành;
3. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm. Đại hội cổ đông thường niên sẽ tiến hành bầu mới hoặc bầu lại ít nhất 1/3 số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ;
5. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

**Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp

- b. Có năng lực và kinh nghiệm trong kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
  - c. Có sức khỏe, có đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
2. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp, bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Hội đồng quản trị**

- 1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
  - a. Quyết định chiến lược phát triển, phương án đầu tư của Công ty;
  - b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
  - c. Quyết định thành lập công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;

- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc Công ty, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc Công ty;
- e. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- f. Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc Công ty;
- g. Cử một Phó Tổng giám đốc tạm thời đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc bị Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành Công ty do vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h. Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Tổng giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và quyết định các biện pháp cần thiết để khắc phục;
- i. Quyết định mức lương, thưởng và hình thức xử lý kỷ luật đối với những sai phạm của các cán bộ quản lý Công ty quy định tại điểm e theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- j. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- k. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty;
- l. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần phổ thông đã bán, quyết định giá mua lại cổ phần;
- m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- n. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- o. Quyết định chính sách đầu tư của Công ty, thông qua phương án đầu tư do Tổng giám đốc đệ trình;
- p. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
- q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công

ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết;

- r. Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- s. Quyết định việc phát hành trái phiếu của Công ty: loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành;
- t. Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam: ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác;
- u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- v. Trình Đại hội đồng cổ đông:
  - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - Quyết định việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - Xem xét và quyết định hình thức xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
  - Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
  - Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ;
  - Quyết định mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- w. Thực hiện việc khởi kiện của Công ty đối với cán bộ quản lý Công ty cũng như quyết định việc đại diện Công ty trong quá trình tố tụng đối với các cán bộ quản lý này;
- x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.
2. Hội đồng quản trị không được trực tiếp hay gián tiếp:
- a. Cho bất kỳ cổ đông nào của Công ty vay tiền;
  - b. Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho cổ đông để vay tiền;
  - c. Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho một Công ty khác để vay tiền;
  - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Công ty cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
3. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị sau Đại hội đồng cổ đông thành lập:
- Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu của Công ty và giải quyết tiếp các công việc còn lại của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, hoàn tất các thủ tục quy định để đưa Công ty chính thức đi vào hoạt động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc này.
4. Quyền lợi của thành viên HĐQT:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty;
- c. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện các công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- e. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

### **Điều 31: Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
  - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;
  3. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại giấy ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba;
  4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày;
  5. Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
    - a. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
    - b. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
    - c. Thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;
    - d. Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình



- e. Thành viên Hội đồng quản trị là người trực tiếp quản lý phân vốn nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;
- f. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa;
2. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của một trong các đối tượng sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Tổng giám đốc điều hành;
  - c. Trưởng Ban kiểm soát;
  - d. 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền chủ tọa cuộc họp;
4. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải được thông qua và có đầy đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký phiên họp và các thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
5. Trường hợp Hội đồng quản trị họp, thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến có ghi rõ

thời hạn phải trả lời gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định, ghi rõ ý kiến của mình. Chủ tịch Hội đồng quản trị tập hợp các ý kiến và ra nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước các cổ đông về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty;
7. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình.

### **Điều 33: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT**

1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a. Chết, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng trở lên mà không được phép của Hội đồng quản trị;
- d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
- e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;

- g. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án;
  - h. Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải gửi đơn xin từ chức đến Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải nhóm họp trong vòng 30 ngày để xem xét quyết định và bầu Chủ tịch mới trong trường hợp đơn xin từ chức của Chủ tịch đương nhiệm được chấp thuận;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;
  - c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;
  - d. Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG IX**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY**

#### **Điều 34: Tổng giám đốc**

- 1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;
5. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;
6. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu;
7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

### **Điều 35: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc Công ty là người phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ từ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;

2. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác;
3. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

### **Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc**

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
2. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc và quy chế quản lý nội bộ Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
3. Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm;
5. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
6. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty, trừ các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 1 Điều 30 bản Điều lệ này phải trình Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký;
7. Trình Hội đồng quản trị:
  - a. Việc bán số tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;

II

- b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
8. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
9. Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
10. Ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý thuộc quyền và người lao động trong Công ty;
11. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
12. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những trường hợp quy định tại điểm w khoản 1 Điều 30 bản Điều lệ này;
13. Có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;
14. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
15. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
16. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

### **Điều 37: Ủy quyền**

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cán bộ cấp dưới của mình thay mặt giải quyết toàn bộ hoặc một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình;
2. Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới của mình;
3. Mọi sự ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

### **Điều 38: Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách**

1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
2. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Chết, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b. Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 05 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng quyền hạn của mình;
  - c. Mất quyền công dân;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải chỉ định một Phó Tổng giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

### **Điều 39: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

TE



## Điều 40: Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra;
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý (trừ Tổng giám đốc điều hành) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành;
3. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty:
  - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;
  - b. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - c. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
    - Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
    - Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
    - Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
    - Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
  - d. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và bản Điều lệ này quy định.

TE

## CHƯƠNG X

### BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 41: Tổ chức Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
2. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín;
3. Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết;
4. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng. Đại hội cổ đông thường niên sẽ tiến hành bầu mới hoặc bầu lại ít nhất 1/3 số lượng thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 42: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải trung thực, trình độ tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó ít nhất phải có một thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về kế toán;
2. Trưởng ban Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty, các thành viên khác không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
3. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; nhân viên kế toán hoặc kiêm nhiệm các chức danh quản lý của Công ty;

- b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 43: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Đại hội đồng cổ đông;
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, mất tư cách trong các trường hợp sau:
  - a. Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b. Có đơn xin từ chức;
  - c. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 12 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát ;
  - d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
  - e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
  - f. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án;
  - g. Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ.
3. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà các thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung.

#### **Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Ban kiểm soát**

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty;
2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;
3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
6. Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
7. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;
8. Không được tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;
9. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thấy có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật;
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

11. Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do tập thể Ban kiểm soát quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát;
12. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông;
13. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

**Điều 45: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát**

1. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát;
3. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;
4. Được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XI

### NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

#### **Điều 46: Quyền lợi của người lao động trong Công ty**

1. Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và của Công ty;
2. Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua về các cơ chế liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.

## CHƯƠNG XII

### HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

#### **Điều 47: Hạch toán**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó;
2. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành;
3. Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông;
4. Cuối mỗi niên khoá, Công ty lập các báo cáo tài chính sau:
  - a. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12;
  - b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- c. Báo cáo luân chuyên tiền tệ (nếu có);
  - d. Thuyết minh báo cáo tài chính.
5. Các báo cáo này phải hoàn thành chậm nhất là 10/02 năm kế tiếp năm báo cáo và gửi tới Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày hoàn thành;
  6. Sau Đại hội đồng cổ đông, các Báo cáo tài chính nêu trên cùng với Báo cáo của Ban kiểm soát, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty trong 10 năm để các cổ đông có thể xem xét khi cần thiết.

#### **Điều 48: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ**

1. Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
2. Công ty trích lập các quỹ sau:
  - a. Trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế:
    - Quỹ dự phòng tài chính;
    - Quỹ đầu tư phát triển;
    - Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
  - b. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập và hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông theo quy định của pháp luật.
3. Mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Điều 49: Cổ tức**

1. Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của

pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức;
3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

#### **Điều 50: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.



## CHƯƠNG XIII

### CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

#### **Điều 51: Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
  - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - d. Bị Toà án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
  - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 52: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông**

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 53: Thanh lý**

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 05 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ trong Công ty hoặc thuê chuyên gia (nếu cần);
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
  - c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản từ điểm a đến điểm e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

### **Điều 54: Tố tụng, tranh chấp**

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân và thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp;
2. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại hoặc quyết định hoà giải không được các bên chấp thuận thì các

cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG XIV**

### **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

#### **Điều 55: Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty, được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng;
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 56: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 51% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện;
2. Các nội dung khác không quy định trong bản Điều lệ này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

#### **Điều 57: Hiệu lực thi hành**

1. Bản Điều lệ này gồm XIV chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Tư vấn – Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội thống nhất thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2016 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ;
2. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó:
  - Một bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước thành phố Hà Nội;

- Năm bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bốn bản lưu trữ tại văn phòng Công ty;
- 1. Bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
- 2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị;
- 3. Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được đăng ký với Phòng Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*Hà Nội, ngày 30. tháng 5. năm 2016.*

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Chủ tịch HĐQT**



**Lương Cao Chí**

**Ủy viên HĐQT**



**Đặng Đức Khôi**

**Ủy viên HĐQT**



**Trương Thị Lệ Thúy**

